TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HC-PT
Ngày: 11/01/2023
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Điều Văn Hằng;

Các Thẩm phán: Ông Phùng Hải Hiệp;

Ông Nguyễn Phan Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 208/2022/TLPT-HC ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2021/HC-ST ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12647/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Nông Minh Đ và bà Lương Thị L; cùng trú tại: Bản P, thị trấn T, huyện H, (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng; đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nông Minh Đ và bà Lương Thị L: Ông Nguyễn Bá V, ông Nguyễn Hoàng V1 và ông Đinh Tây V2 – Luật sư Văn phòng Luật sư X, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 08, ngách 6/6, phố N, quận M, Hà Nội; đều có mặt.

**** Người bị kiện:*** UBND huyện H, (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:**

1. Ông Âu Văn P (chết năm 2017);

2. Bà Liêu Thị Mai H; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Âu Việt A; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 14, (nay là tổ 10), phường Y, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Hoàng Thị L1 – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2018, bản tự khai, tại phiên họp đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nông Minh Đ; bà Lương Thị L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện thống nhất trình bày:

* Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp: Thửa đất số 130, 104 tờ bản đồ số 103 đo vẽ năm 2013 tại thị trấn T là của ông Nông Văn T (bố chồng bà Lương Thị L) có từ trước năm 1954. Khoảng năm 1958, bà Tô Ngọc L2 sang xin ở nhờ gia đình ông Nông Văn T. Năm 1979, do có chiến sự biên giới nên gia đình bà Tô Ngọc L2 bỏ về thị xã Cao Bằng và được Nhà nước cấp đất định cư tại thị xã Cao Bằng từ đó cho đến nay.

Năm 1987, ông Nông Văn T giao thửa đất số 130, 104 tờ bản đồ số 103 cho ông Nông Văn Đ2(con trai của ông Nông Văn T) dựng nhà để thờ cúng tổ tiên và hai liệt sĩ. Đến năm 2002, ông Nông Văn Đ2chết.

Năm 2006, gia đình con cháu cụ Nông Văn T họp phân chia di sản thừa kế. Gia đình ông Nông Văn Châu (Toại) có vợ là Lương Thị L, con trai là Nông Minh Đ được chia thửa đất 130, 104 tờ bản đồ số 103. Gia đình ông Châu trực tiếp quản lý, sử dụng từ đó (có biên bản họp gia đình và xác nhận của UBND xã Z kèm theo).

* Quá trình tranh chấp đất:

Từ khi bà Tô Ngọc L2 đến xin ở trên đất của ông Nông Văn T cho đến năm 1968 thì ông T chết, không xảy ra tranh chấp đất đai giữa hai bên. Ông T không có ý kiến gì về việc đòi lại đất với bà L2.

Sau khi ông Nông Văn T chết, giao lại quyền quản lý sử dụng cho con trai là ông Nông Văn Đ2. Từ đó cho đến năm 1991, không xảy ra tranh chấp giữa gia đình ông Đ2 và ông Âu Văn P (con trai bà Tô Ngọc L2).

Năm 1991, UBND huyện Q (cũ) lại ban hành Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 05/7/1991 về việc giải quyết tranh chấp đất ở tại phố H, xã Z (viết tắt là Quyết định số 38).

Qua xác minh hồ sơ, các tài liệu từ thôn, bản, UBND cấp xã cho đến đoàn Thanh tra tỉnh Cao Bằng đều có kết luận: thửa đất 130, 104 tờ bản đồ 103 tại thị trấn T, huyện H không có tranh chấp, không có giải quyết tranh chấp tại UBND xã Z. Tại UBND thị trấn T cũng như UBND huyện H và UBND huyện Quảng Uyên đều không có hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình ông Nông Văn Đ2và gia đình ông Âu Văn P.

Đồng thời, các ông Nông Tiến T3 - nguyên Chủ tịch UBND xã Z những

năm 1986 đến năm 1995 và ông Nông Đức T2– nguyên Phó Bí thư thường trực Đảng ủy kiêm Phó Ban giải quyết đất đai xã Z những năm 1990, 1991 đều khẳng định: Không có tranh chấp và không có giải quyết tranh chấp đất đai đối với gia đình ông Nông Văn Đ2 như nội dung của Quyết định số 38.

Như vậy, không có tranh chấp đất đai mà UBND huyện H (nay là huyện Q) lại ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, đồng thời căn cứ khoản 1 Điều 21 Luật đất đai năm 1987: "*UBND xã, thị trấn giải quyết các tranh chấp đất đai giữa cá nhân với cá nhân*" tức UBND cấp huyện chỉ giải quyết tranh chấp đất đai giữa cá nhân với cá nhân khi cấp xã đã giải quyết mà đương sự không đồng ý và có khiếu nại lên cấp huyện. Do đó Quyết định số 38 của UBND huyện H ban hành trái quy định của pháp luật.

Quá trình ban hành, Quyết định số 38 không được gửi đến các cá nhân, tổ chức có liên quan để thực hiện và lưu Văn phòng UBND huyện Q. Thực tế, gia đình ông Nông Văn Đ2 cũng như UBND xã T (nay là thị trấn T) không nhận được Quyết định số 38.

Quyết định số 38 được ban hành ngày 05/7/1991 nhưng đến năm 2002 UBND huyện H mới ra Thông báo số 212/UB-TB ngày 22/10/2002 về việc giải quyết tranh chấp đất nhà ở tại phố H, xã Z là không đúng quy định pháp luật. Do đó, ông Đ và bà L đã khiếu nại từ năm 2002 cho đến nay.

Ngày 19/9/2016, Văn phòng Luật sư X, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội có Công văn kiến nghị số 2590/QĐ-UBND đến UBND huyện H, nội dung: đề nghị hủy bỏ Quyết định 38 với lý do Quyết định số 38 ban hành trái với quy định của pháp luật đất đai.

Ngày 05/10/2016, UBND huyện H có Công văn số 419/UBND-TNMT về việc trả lời đơn kiến nghị của Văn phòng luật sư X với nội dung: *"Thửa đất số 130 tờ bản đồ số 103 đo vẽ năm 2013, diện tích 155,3m^2 đã được UBND huyện Q (cũ) giao cho bà Tô Ngọc L2 (mẹ của ông Âu Văn P) theo Quyết định số 38. ....."*. (Đây là căn cứ để phục hồi quyền khiếu nại đối với Quyết định 38 của người khởi kiện).

Căn cứ khoản 2 và khoản 5 Điều 14 Luật đất đai năm 1987 thì gia đình bà Tô Ngọc L2 – ông Âu Văn P đã chuyển đi khỏi T hơn 10 năm, được Nhà nước cấp đất ổn định tại thị xã Cao Bằng thì đất đai tại T thuộc quyền quản lý của Nhà nước. Việc UBND huyện H ban hành Quyết định 38 là trái với quy định Luật đất đai năm 1987.

Căn cứ khoản 3 Điều 18 Luật đất đai năm 1987; khoản 1 Điều 2 Luật đất đai năm 1993; mục b khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; mục b khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013. Gia đình ông Nông Văn Đ2 đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ). Thế nhưng ngày 26/5/2015 UBND huyện H cấp 02 GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 566019 và số BY 566020 mang tên vợ, chồng ông Âu Văn P, bà Liêu Thị Mai H đối với 02 thửa đất số 130, tờ bản đồ số 103 diện tích 155,3m^2 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 103 diện tích 162,2m^2 cùng

địa chỉ: phố H 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng là không đúng quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 38/QĐ-UB-ND ngày 05/7/1991 của UBND huyện Q (cũ) về việc: giải quyết tranh chấp đất nhà ở tại phố H, xã Z.

- Hủy 02 GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 566019 và số BY 566020 mang tên vợ, chồng ông Âu Văn P, bà Liêu Thị Mai H do UBND huyện H cấp ngày 26/5/2015.

- Công nhận gia đình Lương Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 130 và thửa đất 104 trên tờ bản đồ số 103 tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Tại văn bản ngày 03/8/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo pháp luật của người bị kiện - UBND huyện H (nay là huyện Q) trình bày:

* Đối với yêu cầu khởi kiện: Hủy Quyết định số 38/QĐ-UB-ND ngày 05/7/1991 của UBND huyện Q (cũ) về việc giải quyết tranh chấp đất nhà ở tại phố H, xã Z:

- Quyết định số 38 của UBND huyện H đã có hiệu lực pháp luật và đã được thi hành.

- Đối với vụ việc tranh chấp trên đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (UBND huyện Q) giải quyết xong, đối tượng điều chỉnh của quyết định đều không có khiếu nại, khiếu kiện hành chính trong thời gian quy định.

- Xét về thời hạn, thời hiệu khiếu nại, khiếu kiện quyết định hành chính đối với Quyết định số 38 đã hết thời hiệu khiếu nại, thời hiệu khởi kiện hành chính (điều này quy định cụ thể tại Điều 9 Luật khiếu nại năm 2011 và Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015).

- Xét về chủ thể khởi kiện Quyết định số 38 là không đúng: ông Nông Minh Đ và bà Lương Thị L không thuộc đối tượng điều chỉnh của quyết định hành chính nói trên (Quyết định không ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân người khởi kiện).

- Xét về nội dung Quyết định số 38: nội dung của Quyết định không trái với quy định của Hiến pháp, pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước. Tại nội dung Thông báo số 720/TB-VP ngày 23/12/2003 của Văn phòng HĐND và UBND (mục 3, trang 2 Thông báo 720/TB-VP) và tại mục 2.1 trang 1 của Báo cáo số 909/BC-VP ngày 28/9/2009 của Văn phòng UBND tỉnh Cao Bằng đã khẳng định Quyết định số 38 đảm bảo đúng pháp luật, đúng đắn có căn cứ. Khi có Quyết định số 38 ông Nông Văn Đ2 biết nhưng không có khiếu nại gì.

* Đối với yêu cầu khởi kiện: Hủy 02 GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 566019 vào sổ cấp GCN: CH03579 và số

BY566020 vào sổ cấp GCN: CH03580 cấp ngày 26/5/2015 mang tên vợ, chồng ông Âu Văn P, bà Liêu Thị Mai H do UBND huyện H cấp:

- Về trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ: trình tự thủ tục cấp được đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về đất đai (quy định tại Luật đất đai năm 2013 và Nghị định 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai).

- Xét về đối tượng được cấp GCNQSDĐ: Ông Âu Văn P là đối tượng đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ (theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và Bộ luật dân sự năm 2015).

Việc công nhận gia đình bà Lương Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 130 và thửa 104 tờ bản đồ địa chính 103 đo vẽ năm 2013 là không có cơ sở pháp lý để xem xét giải quyết.

Nay đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Âu Việt A và Luật sư Hoàng Thị L1 là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 130 và thửa 104 tờ bản đồ số 103 thị trấn T là của bố mẹ tôi (vợ chồng ông Âu Văn P và bà Liêu Thị Mai H) được thừa kế từ bà nội là bà Tô Ngọc L2 (tên gọi khác Tô Nhục L3- đã chết năm 1991).

Trước ngày 05/8/2014 do gia đình ông Nông Văn Đ2 chiếm giữ trái phép, việc giải quyết tranh chấp chưa được các cơ quan Nhà nước giải quyết dứt điểm nên để đất lưu không, không thể sử dụng. Sau năm 2014, một mảnh gia đình tôi đã xây nhà và cho ông S thuê, mảnh còn lại để cho ông Âu Sỹ C (là cháu của ông P và bà H) trú tại phố H trồng chuối, làm vườn. Cho đến nay 02 mảnh đất này không phát sinh tranh chấp với ai.

Căn cứ chứng minh 02 thửa đất trên thuộc quyền sở hữu của gia đình tôi:

+ Về pháp lý: Quyết định số 38 của UBND huyện H; Biên bản về việc tổ chức giao đất tại thực địa đối với thửa đất tranh chấp đã có quyết định giải quyết tranh chấp. Quyết định đã có hiệu lực pháp luật ngày 05/8/2014.

+ Về thực tế: ông bà nội tôi đã quản lý, sử dụng và sinh sống ổn định trên 02 thửa đất này từ rất lâu, hiện nay nhân chứng sống là những người sống ở phố H cùng thời điểm từ trước đến nay, nắm được sự việc còn có nhiều người. Gần nhất là gia đình ông H2, ông L4 hiện sống sát vách 02 bên ngôi nhà của gia đình tôi là hàng xóm của gia đình tôi từ thời xa xưa, có ông Nguyễn Tuấn Minh trú tại tổ 14, phường Y, thành phố Cao Bằng là người bán lại mảnh đất cho ông L4.

+ Việc tranh chấp đất nói trên kéo dài, gia đình tôi mất nhiều thời gian, công sức để khiếu kiện, do đó về phía chính quyền cũng có nhiều cuộc tổ chức xem xét như Thanh tra nhà nước, thanh tra Sở Địa chính. Sau khi xem xét thu nhập chứng cứ đều công nhận 02 mảnh đất trên là của gia đình tôi.

Việc cấp GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY566019 vào sổ cấp GCN: CH03579 và số BY566020 vào sổ cấp GCN: CH03580 cấp ngày 26/5/2015 mang tên vợ, chồng ông Âu Văn P, bà Liêu Thị Mai H được UBND huyện H cấp dựa trên cơ sở Quyết định 38 của UBND huyện H, Biên bản về việc tổ chức giao đất tại thực địa đối với thửa đất tranh chấp đã có quyết định giải quyết tranh chấp và đơn xin thừa kế đất đai của vợ chồng ông P, bà H. Người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 38 là không có cơ sở vì Quyết định số 38 ban hành năm 1991, đến thời điểm này đã hơn 25 năm, như vậy đã hết thời hiệu khiếu nại, tố cáo. Đồng thời cũng không có cơ sở để công nhận gia đình bà Lương Thị L được quyền sử dụng thửa đất 130 và thửa 104 tờ bản đồ 103 tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Đối với 02 GCNQSDĐ của ông P, bà H cấp ngày 26/5/2015 đến năm 2016 ông Đ bà L mới khởi kiện như vậy là đã hết thời hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Minh Đ và bà Lương Thị L.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ngày 13/7/2020, những người làm chứng trình bày:

- Ông Nông Tiến T3 cho biết: về quan hệ với gia đình bà L, ông Nông Văn T (bố ông Đ2) là anh trai của ông nội ông T3, ông T3 gọi ông T là ông bác. Giai đoạn 1989 – 1995 ông T3 làm Chủ tịch UBND xã Z, trong thời gian này ông không được tham gia giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình bà Tô Ngọc L2 với gia đình ông Nông Văn Đ2.

- Ông Nông Đức T2 cho biết: về quan hệ với gia đình bà L, ông T2 là con trai ông Nông Văn M (anh trai ông Đ2). Từ năm 1986-1994 ông T2 làm việc tại UBND xã Z nhưng không được tham gia giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Tô Ngọc L2 với ông Nông Văn Đ2. Ông T2 khẳng định nguồn gốc đất đai là của ông Nông Văn T

- Ông Đinh Tiến Đ3 cho biết: ông làm Bí thư chi bộ xóm P1 từ năm 1997 đến năm 2002, về việc tranh chấp đất đai giữa gia đình bà Tô Ngọc L2 và gia đình ông Nông Văn Đ2 ông Đ3 không được tham gia giải quyết nên không biết kết quả.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2021/HC-ST ngày 28/12/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã căn cứ vào Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 116 và điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị L và ông Nông Minh Đ:

- Về yêu cầu hủy Quyết định số 38/QĐ-UB-ND ngày 05/7/1991 của UBND huyện Q (cũ) về việc: Giải quyết tranh chấp đất nhà ở tại phố H, xã Z.

- Về yêu cầu hủy 02 GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 566019 và số BY 566020 mang tên vợ, chồng ông Âu Văn P, bà Liêu Thị Mai H do UBND huyện H cấp ngày 26/5/2015.

- Về yêu cầu công nhận gia đình Lương Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 130 và thửa đất 104 trên tờ bản đồ số 103 tại thị trấn T, huyện H (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28/12/2021, người khởi kiện là ông Nông Minh Đ và bà Lương Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt.

Các Luật sư bảo vệ quyền lợi của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, sửa bản án hành chính sơ thẩm.

Người khởi kiện và các luật sư bảo vệ quyền lợi của người khởi kiện xác định yêu cầu khởi kiện gồm:

- Hủy Quyết định số 38/QĐ-UB-ND ngày 05/7/1991 của UBND huyện Q (cũ) về việc: giải quyết tranh chấp đất nhà ở tại phố H, xã Z.

- Hủy 02 GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 566019 và số BY 566020 mang tên vợ, chồng ông Âu Văn P, bà Liêu Thị Mai H do UBND huyện H cấp ngày 26/5/2015.

- Công nhận gia đình Lương Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 130 và thửa đất 104 trên tờ bản đồ số 103 tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Tức là yêu cầu UBND huyện là cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 130 và thửa đất 104 trên tờ bản đồ số 103 tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng cho gia đình. Chứ không phải là gia đình Lương Thị L tranh chấp quyền sử dụng đất với gia đình ông Âu Văn P, bà Liêu Thị Mai H.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến tại phiên tòa phúc thẩm; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính: Bác yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các chứng cứ; tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các hên đương sự về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chủ tịch UBND huyện Q, tỉnh Cao Bằng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án, xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp quy định tại Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết vụ án là đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền cũng như thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các Điều 30, 32, 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện:

Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính: Điều 21 Luật đất đai năm 1987 quy định các tranh chấp về quyền sử dụng đất đai do UBND nơi có đất đai bị tranh chấp giải quyết theo quy định thì UBND huyện Q ban hành Quyết định số 38 là đúng thẩm quyền.

Quyết định số 38 có nội dung giao lại đất nền nhà có trước năm 1979 cho bà Tô Ngọc L2 để xây dựng nhà từ ngày 06/7/1991; Ông Nông Văn Đ2phải tháo dỡ nhà dựng trái pháp kể từ ngày 06/7/1991 đến ngày 31/7/1991 phải hoàn thành để giao đất cho bà L2. Nếu ông không thực hiện thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu mọi phí tổn.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện về nguồn gốc thửa đất như sau:

Thửa đất số 130, 104 tờ bản đồ số 103 đo vẽ năm 2013 tại thị trấn T là của ông Nông Văn T có từ trước năm 1954. Khoảng năm 1958, bà Tô Ngọc L2 đến ở và năm 1967 bà L2 đã xây nhà cấp 4, lợp ngói trên diện tích đó. Khi bà L2 xây nhà ông T còn sống và hai bên không có tranh chấp, vẫn duy trì quan hệ tốt. Năm 1968 ông T chết; Năm 1979 do có chiến tranh biên giới nên bà L2 đi sơ tán khỏi vùng chiến sự. Sau chiến sự do không quay về nên bà L2 đã bán toàn bộ cây que, ngói cho UBND xã Z, phần tường gạch vẫn để nguyên. Bà L2 cư trú ở thành phố Cao Bằng nên chỉ qua lại trông nom. Năm 1988, ông Nông Văn Đuống đến dựng nhà trên nền đất của bà L2 và xảy ra tranh chấp. Do có khiếu nại của bà Tô Ngọc L2 nên UBND huyện Q đã ban hành Quyết định số 38 giao lại nền nhà cho Tô Ngọc L2. Quyết định số 38 này, giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà L2 và ông Đuống. Gia đình bà L2 nhận được quyết định này và đã cung cấp cho Tòa án, phía ông Đuống cho rằng mình không nhận được quyết định nhưng không có căn cứ. UBND huyện Q chỉ gửi Quyết định số 38 cho ông Đuống và bà L2 vì liên quan đến việc giải quyết tranh chấp đất đai.

Công văn số 62/CV-UBND ngày 05/5/2020 của UBND thị trấn Hoà Thuận khẳng định: "Hồ sơ hiện nay đang lưu tại UBND thị trấn Hoà Thuận không có bất cứ tài liệu gì từ trước năm 1991 trong đó kể cả biên bản giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình bà Tô Ngọc L2 và gia đình ông Nông Văn Đuống", do vậy cũng không đủ căn cứ xác định là UBND huyện không gửi cho Ủy ban cấp xã nơi giải quyết tranh chấp đất đai thời kỳ đó.

Ngày 06/12/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã có Quyết định trưng cầu giám định số 174/2019/QĐ-TCGĐ Viện khoa học hình sự, Bộ Công An. Tại Kết luận giám định số 406/C09-P5 ngày 26/02/2020, Viện khoa học hình sự, Bộ

Công An đã kết luận:

1. Chữ ký của ông Dương Huy T trong quyết định so với các mẫu gửi giám định do cùng một người ký ra;

2. Chữ viết trong Quyết định do một người viết ra;

3. Các chữ viết trên quyết định cùng màu phát quang giống nhau;

4. Hình dấu trên quyết định là hình dấu đóng trực tiếp;

5. Quyết định số 38 được đánh máy trực tiếp qua giấy than (trừ phần chữ viết, chữ ký, hình dấu).

Như vậy, Quyết định số 38 do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp là bản gốc. Trong quyết định không có Quốc hiệu và tên cơ quan ban hành quyết định (Dòng đầu tiên trong Quyết định). Quyết định này được đánh máy trực tiếp qua giấy than bằng máy đánh chữ, việc không có dòng đầu tiên trong Quyết định có thể là do lỗi kỹ thuật khi xếp giấy than để đánh máy Quyết định này. Lỗi này không ảnh hưởng đến nội dung của Quyết định. Quyết định số 38 được ban hành từ năm 1991, hiện nay không còn bản gốc nào khác để so sánh, do vậy cũng không có đủ cơ sở khẳng định Quyết định này không đảm bảo tính hợp pháp về hình thức. Sau khi ban hành Quyết định số 38 bà L2 và ông Đ2 không khiếu nại quyết định trên nhưng gia đình ông Đ2không chấp hành. Do có yêu cầu của người được giao đất nên ngày 22/10/2002 UBND huyện H mới ra Thông báo số 212/UB-TB về việc thi hành Quyết định số 38 và Quyết định này đã thi hành xong. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 38 nêu trên là có căn cứ, đảm bảo quy định của pháp luật.

[3] Đối với GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY566019 vào sổ cấp GCN: CH03579 và số BY566020 vào sổ cấp GCN: CH03580 mang tên vợ, chồng ông Âu Văn P, bà Liêu Thị Mai H do UBND huyện H cấp ngày 26/5/2015. Sau khi Quyết định số 38 được thi hành gia đình ông Âu Văn P đã thực hiện thủ tục xin cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 130 và thửa đất 104 trên tờ bản đồ số 103 tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Ngày 26/5/2015, UBND huyện H đã cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY566019 vào sổ cấp GCN: CH03579 và số BY566020 vào sổ cấp GCN: CH03580 cho ông Âu Văn P, bà Liêu Thị Mai H. Tuy hồ sơ hồ sơ cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY566019 và số BY566020 cấp ngày 26/5/2015 mang tên ông Âu Văn P, bà Liêu Thị Mai H do UBND huyện Q cung cấp cho Tòa án không đầy đủ nhưng việc cấp GCNQSDĐ cho ông Âu Văn P, bà Liêu Thị Mai H của UBND huyện H là đảm bảo đúng thẩm quyền, đúng đối tượng theo quy định của Luật đất đai năm 2013. Vì vậy, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu hủy GCNQSDĐ của bà L, ông Đ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm bà L, ông Đ và các Luật sư xác định rõ về một nội dung của yêu cầu khởi kiện là buộc UBND huyện là cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 130 và thửa đất 104 trên tờ bản đồ số 103 tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng cho gia đình. Chứ không phải là

gia đình Lương Thị L tranh chấp quyền sử dụng đất với gia đình ông Âu Văn P, bà Liêu Thị Mai H. Do đó, yêu cầu công nhận gia đình Lương Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 130 và thửa đất 104 trên tờ bản đồ số 103 tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng là không có cơ sở để xem xét. Tuy nhiên, tại quyết định của bản án sơ thẩm quyết định: "Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị L và ông Nông Minh Đ: … -Về yêu cầu công nhận gia đình Lương Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 130 và thửa đất 104 trên tờ bản đồ số 103 tại thị trấn T, huyện H (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng", là chưa chính xác theo Luật tố tụng hành chính.

[5] Từ các phân tích nêu trên HĐXX không có cơ sở chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của người khởi kiện do kháng cáo của người khởi kiện là không có căn cứ, nhưng HĐXX sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm để đảm bảo chính xác, theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Nông Minh Đ và bà Lương Thị L; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2021/HCST ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Cụ thể như sau:

"1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị L và ông Nông Minh Đ:

- Về yêu cầu hủy Quyết định số 38/QĐ-UB-ND ngày 05/7/1991 của Ủy ban nhân dân huyện Q (cũ) về việc: Giải quyết tranh chấp đất nhà ở tại phố H, xã Z.

- Về yêu cầu hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 566019 và số BY 566020 mang tên vợ, chồng ông Âu Văn P, bà Liêu Thị Mai H do UBND huyện H cấp ngày 26/5/2015.

- Về yêu cầu buộc Cơ quan nhà nước có thẩm quyền là UBND huyện Q, tỉnh Cao Bằng công nhận gia đình Lương Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 130 và thửa đất 104 trên tờ bản đồ số 103 tại thị trấn T, huyện H (nay là huyện Q), tỉnh Cao Bằng".

2. Án phí: Ông Nông Minh Đ và bà Lương Thị L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Hoàn trả ông Nông Minh Đ và bà Lương Thị L 300.000 (ba trăm nghìn)

đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000095 ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN		**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
		(Đã ký)
(Đã ký)		
Phùng Hải Hiệp	**Nguyễn Phan Nam**	**Điều Văn Hằng**

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Điều Văn Hằng